

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện “Đề án phát triển Giáo dục Mầm non giai đoạn 2006-2015” và 5 năm thực hiện “Một số chính sách phát triển GD Mầm non giai đoạn 2011-2015”

Căn cứ Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg ngày 23/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2006-2015; Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 3634/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển giáo dục mầm non tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2006-2015;

Thực hiện Kế hoạch số 461/KH-BGDĐT ngày 19/6/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg và 5 năm thực hiện Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ kết quả triển khai thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ tại tỉnh giai đoạn 2006-2015. Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo kết quả việc thực hiện “Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2006 – 2015” và Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Một số chính sách phát triển Giáo dục Mầm non tỉnh Hòa Bình như sau.

Phần thứ Nhất

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

I. Đặc điểm chung.

Hoà Bình là tỉnh miền núi thuộc vùng Tây Bắc, là cửa ngõ phía Tây của Thủ đô Hà Nội, có diện tích tự nhiên gần 4.600km², đơn vị hành chính bao gồm 10 huyện và 1 thành phố với 210 xã, phường, thị trấn (có 95 xã đặc biệt khó khăn; 23 xã vùng hồ sông Đà). Dân số trên 80 vạn người, với 7 dân tộc cùng chung sống (Mường, Kinh, Thái, Tày, Dao, Mông...) trong đó dân tộc Mường chiếm trên 60%.

Cùng với thành tựu chung về Kinh tế - Xã hội, sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo của tỉnh Hoà Bình nói chung đã được quan tâm chăm lo phát triển và đã đạt được những kết quả tốt. Riêng Giáo dục Mầm non đã được quan tâm đặc biệt. Quy mô trường lớp phát triển mạnh khắp các bản làng thôn xóm đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập của con em nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Toàn tỉnh hiện có 228 trường Mầm non; các nhà trường được quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất,

mua sắm thiết bị dạy học: sau 10 năm đã tăng 1.027 phòng học kiên cố, giảm 136 phòng bán kiên cố và 822 phòng học tạm học nhờ. Đặc biệt chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được quan tâm, trong 10 năm từ 2006 đến nay đã tăng hơn 1.624 giáo viên, trong đó biên chế giáo viên tăng 3.501 người.

Công tác phổ cập giáo dục được quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện: Năm 2005, đạt chuẩn Phổ cập Giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi. Công tác Phổ cập bậc Trung học tiếp tục được triển khai thực hiện. Năm 2012 là tỉnh đứng thứ 2 trong cả nước và là tỉnh miền núi đầu tiên đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi.

II. Một số thuận lợi, khó khăn của Giáo dục mầm non:

1. Thuận lợi

- Từ năm học 2005-2006 đến nay, tỷ lệ huy động trẻ em năm tuổi đến trường duy trì đạt trên 99%, toàn ngành tập trung chỉ đạo việc dành quỹ đất xây dựng điểm trường chính và dồn điểm trường nhỏ, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng GDMN;

- Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp thứ XIV, kỳ họp thứ 19 đã ban hành Nghị quyết số 148/2010/NQ-HĐND ngày 21/7/2010 về chế độ, chính sách đối với giáo viên mầm non diện hợp đồng, theo đó lương giáo viên mầm non được cải thiện, đội ngũ nhà giáo yên tâm công tác;

- Đội ngũ giáo viên đủ số lượng, chất lượng đáp ứng yêu cầu của GDMN. GV dạy lớp mẫu giáo 5 tuổi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm vững vàng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư các trường mầm non ngày càng khang trang, sạch đẹp. Lớp mẫu giáo 5 tuổi đủ phòng học và thiết bị dạy học. Chế độ chính sách cho đội ngũ nhà giáo ngày càng được hoàn thiện: Năm 2006 chi trả lương cho giáo viên mầm non diện hợp đồng được UBND tỉnh ra quyết định với mức lương tối thiểu, hệ số 1,0, hiện nay giáo viên mầm non đã được tuyển dụng biên chế và hưởng các chế độ chính sách đầy đủ theo quy định.

- Các chế độ cho trẻ được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo quy định: chế độ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập..

- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm sát sao, Sở GD&ĐT tham mưu hiệu quả, phối hợp tốt giữa các Sở, Ban, Ngành. Ban chỉ đạo Đề án, ban chỉ đạo Phổ cập giáo dục cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được kiện toàn hàng năm và hoạt động có hiệu quả. Toàn xã hội đã tích cực chăm lo cho GDMN, tính tại thời điểm tháng 5/2015, tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đến trường đạt 31,3%, mẫu giáo đạt 93,7% , riêng trẻ 5 tuổi đạt 99,8%.

2. Khó khăn

- Tỉnh Hòa Bình là tỉnh miền núi kinh tế chậm phát triển, ngân sách của tỉnh hàng năm phần lớn do TW hỗ trợ, tỉnh đã có nhiều ưu tiên cho giáo dục, song chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của sự nghiệp giáo dục.

- Đời sống nhân dân còn khó khăn, công tác XHH giáo dục ở một số địa phương còn hạn chế.

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ và nhân dân chưa đầy đủ, chưa thấy rõ quyền lợi, nghĩa vụ của mỗi công dân đối với việc phát triển Giáo dục Mầm non.

- Hệ thống văn bản về thực hiện chế độ chính sách đối với GDMN chưa đồng bộ, chưa có hệ thống.

- Cơ sở vật chất chưa đáp ứng nhu cầu gửi con của các cha mẹ trẻ. Các công trình phụ trợ, các phòng chức năng của trường mầm non còn thiếu nhiều. Thiết bị dạy học tối thiểu còn hạn chế về số lượng cũng như chất lượng.

- Thu nhập của giáo viên mầm non đã được quan tâm song vẫn còn thấp.

Phần thứ Hai

CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN - KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG VIỆC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON CỦA TỈNH HÒA BÌNH

A/ CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

I. Thống nhất quan điểm trong việc chỉ đạo và triển khai thực hiện:

1. Thống nhất quan điểm chỉ đạo:

Ngay sau khi Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg ngày 23/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2006-2015 được ban hành; Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã chỉ đạo các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố về việc xây dựng và triển khai thực hiện Đề án của tỉnh, huyện để thực hiện Đề án của Chính phủ. Cụ thể: Quyết định số 3634/2006/QĐ-UBND, ngày 29/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt “Đề án phát triển GDMN tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2006-2015”; Trong đó xác định rõ giải pháp đột phá, chủ đạo là chỉ đạo, triển khai và tổ chức thực hiện đồng bộ ba yêu cầu sau:

+ Đồng bộ về quan điểm chỉ đạo và hệ thống văn bản, hồ sơ thực hiện;

+ Đồng bộ trong việc đầu tư ngân sách nhằm xây dựng, tu bổ sửa chữa, mua sắm thiết bị, thực hiện chế độ chính sách đối với Giáo dục mầm non, đặc biệt là đội ngũ nhà giáo;

+ Đồng bộ trong việc đánh giá.

2. Ban hành hệ thống văn bản tạo hành lang pháp lý:

Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị thành viên ban chỉ đạo đề án đã ban hành các loại văn bản quy phạm pháp luật có hệ thống, không chồng chéo và đảm bảo nguyên tắc chủ động, tích cực khi thực hiện và hướng dẫn các đơn vị cấp dưới tổ chức thực hiện các văn bản đó kịp thời, phù hợp.

II. Một số giải pháp của tỉnh đã triển khai thực hiện cụ thể hóa các mục tiêu theo Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg ngày 23/6/2006 và Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 21/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tham mưu:

- Trước khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 21/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về Một số chính sách phát triển GDMN giai đoạn 2011-2015. Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 21/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình khóa XIV, kỳ họp thứ 19 về chế độ, chính sách đối với giáo viên mầm non diện hợp đồng được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhằm giải quyết những khó khăn, bấp cập về chính sách lương, phụ cấp và các chính sách theo lương cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên bậc học mầm non diện hợp đồng của tỉnh. Nghị quyết đã tạo điều kiện thuận lợi và làm tiền đề cho việc triển khai thực hiện nhanh chóng, hiệu quả Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 21/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã ban hành Quyết định số 3634/QĐ-UBND, ngày 29/12/2006 về việc phê duyệt “Đề án phát triển giáo dục mầm non tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2006 - 2015”; Kế hoạch số 1925/KH-UBND ngày 8/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi tỉnh Hoà Bình giai đoạn 2010-2015; Chỉ thị số 16/2010/CT-UBND ngày 29/10/2010 về việc “Xây dựng trường chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Hoà Bình”.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã chỉ đạo, xây dựng Đề án phát triển GDMN giai đoạn 2006-2015 của từng đơn vị: Huyện phê duyệt đề án sớm nhất là huyện Lạc Sơn (10/04/2007), Đà Bắc (29/11/2007; tiếp theo là các huyện Yên Thủy (6/3/2008), Kỳ Sơn, Kim Bôi (8/3/2008), Thành phố (20/3/2008). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 11/11 huyện, thành phố đã phê duyệt xong Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2006-2015 và Kế hoạch xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2010-2015.

2. Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo đề án các cấp:

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 16/5/2007 về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện “Đề án phát triển GDMN tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2006-2015”; Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 22/8/2010 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo phổ cập Giáo dục tỉnh Hoà Bình;

- Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 413/QĐ-SGDĐT ngày 6/6/2007 về việc thành lập tổ thư ký giúp việc Ban chỉ đạo “Đề án phát triển Giáo dục mầm non tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2006-2015”.

- UBND các huyện, thành phố ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo đề án cấp huyện và tổ thư ký giúp việc cho Ban chỉ đạo đề án cấp huyện.

3. Công tác hướng dẫn, tổ chức thực hiện:

- Hàng năm, Ban chỉ đạo Đề án tỉnh tổ chức đánh giá công tác chỉ đạo, lãnh đạo, thực hiện và 3 năm (2006-2009) tổ chức sơ kết giữa giai đoạn nhằm rút kinh nghiệm đồng thời đề ra phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo, cũng như nửa giai đoạn còn lại của đề án.

- Sở GD&ĐT chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính tham mưu cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch,

Chỉ thị để các địa phương làm căn cứ thực hiện đề án và đồng thời ban hành nhiều văn bản liên ngành để chỉ đạo thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao.

Sở GD&ĐT cơ quan thường trực Ban chỉ đạo đã có nhiều văn bản hướng dẫn việc rà soát mục tiêu đề án, thiết lập hồ sơ, các giải pháp, biện pháp nhằm thực hiện tốt các Nghị quyết, Chỉ thị, Kế hoạch của HĐND, UBND ban hành và chỉ đạo, hướng dẫn các phòng GD&ĐT thực hiện tốt mục tiêu đề án đã đề ra.

- Các ngành thành viên như: Phụ nữ, Tài chính, Nội vụ, Bảo hiểm xã hội... đã tích cực tham mưu cho Ban chỉ đạo và chỉ đạo đơn vị cơ sở của mình thực hiện tốt các nội dung của đề án.

- Ban chỉ đạo đề án các cấp đã chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ngay từ đầu năm, đầu giai đoạn, chỉ đạo sâu sát đến từng đơn vị xã, trường để đảm bảo các mục tiêu đề án; dự báo khả năng đạt mục tiêu, từ đó rà soát các mục tiêu để tập trung chỉ đạo những mục tiêu còn chưa đạt và đề xuất biện pháp thực hiện với Ban chỉ đạo các cấp.

4. Công tác tuyên truyền:

- Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, Báo Hòa Bình thực hiện nhiều phóng sự, bài viết về công tác thực hiện chế độ cho giáo viên mầm non, công tác phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi, công tác xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia, công tác xây dựng phòng học, công trình vệ sinh, bếp, nước sạch cho các nhà trường, việc thực hiện chế độ ăn trưa, hỗ trợ chi phí học tập, miễn, giảm học phí cho trẻ em.....

- Trong 10 năm hàng trăm phóng sự và chuyên đề về các lĩnh vực trên được phát thanh, truyền hình đến nhân dân qua đài phát thanh, truyền hình tỉnh, huyện và thành phố.

- Hoạt động của các nhà trường đã tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân về nội dung và tiến độ thực hiện đề án: Đón chuẩn quốc gia, đón chuẩn phổ cập, cấp phát kinh phí ăn trưa, kinh phí hỗ trợ học tập..

- Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh vào các thời điểm chuẩn bị vào năm học, tổng kết năm học, các hội thi của trẻ, của cha mẹ trẻ và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, thông qua bản tin của trường.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục Mầm non

- Triển khai các nhiệm vụ đối với giáo dục mầm non nêu trong đề án cụ thể, chi tiết đến từng Sở, ngành chức năng liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; nhằm hiện thực hóa các nội dung của đề án trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, địa bàn huyện để ổn định và phát triển GDMN bền vững cùng với các bậc học khác trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hình thức đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo mục tiêu đề ra về đạt chuẩn, trên chuẩn cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục Mầm non theo từng giai đoạn, từng năm.

- Triển khai chế độ, chính sách riêng của tỉnh đối với giáo viên Mầm non phù hợp với kinh tế - xã hội và sự quan tâm của HĐND, UBND, sở, ngành của tỉnh, đưa giáo dục mầm non phát triển vững chắc và toàn diện.

6. Sắp xếp mạng lưới Giáo dục mầm non cho phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của địa phương. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đối với các cơ sở Giáo dục mầm non.

- Phát triển số lượng trẻ tuổi Mầm non đến trường đạt mục tiêu các giai đoạn: từ 2007 đến 2010, từ 2011 đến 2015.

- Chuyển đổi loại hình trường theo tinh thần Quyết định số 161/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 và Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Lập kế hoạch, chỉ đạo các đơn vị tăng cường đầu tư cơ sở vật chất xây dựng trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia.

- Rà soát, quy hoạch phát triển mầm non theo hướng chuẩn quốc gia và sắp xếp lại trường, lớp phù hợp với thực tế, với Điều lệ trường Mầm non.

- Tham mưu đề tỉnh dành kinh phí xây dựng các cơ sở giáo dục Mầm non, mua sắm thiết bị theo qui định tối thiểu 10% ngân sách cho giáo dục, ưu tiên đối với vùng kinh tế - xã hội khó khăn.

7. Nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ

- Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới theo lộ trình của tỉnh và tập trung nâng cao chất lượng thực hiện chương trình Giáo dục Mầm non.

- Đảm bảo 100% trẻ em trong nhóm trẻ và lớp mẫu giáo tới trường được an toàn về thể chất và tinh thần.

- Tổ chức cho trẻ học 2 buổi/ngày và ăn bán trú, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới 10%.

- Tuyên truyền kiến thức nuôi dạy con theo khoa học cho tất cả các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

8. Đổi mới công tác xã hội hoá Giáo dục mầm non

- Tăng cường trách nhiệm phối hợp liên ngành và thực hiện hiệu quả công tác phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể liên quan và phụ huynh với nhà trường.

- Đổi mới phương pháp, hình thức tuyên truyền về Giáo dục MN đối với chính quyền, nhân dân địa phương; huy động tăng cường nguồn lực cho GDMN.

9. Công tác kiểm tra đánh giá:

- Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát định kỳ việc thực hiện các mục tiêu của đề án, đặc biệt là việc thực hiện chế độ cho đội ngũ nhà giáo và thực hiện các chế độ hỗ trợ cho trẻ.

- Ban chỉ đạo xây dựng trường chuẩn quốc gia kiểm tra, thẩm định trường chuẩn quốc gia 43 lần. Sở GD&ĐT kiểm tra trường chuẩn quốc gia trên 100 lần.

- Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục kiểm tra công tác phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi 55 lần. Đơn vị thường trực kiểm tra thường xuyên tối thiểu 2 lần/năm/1 huyện.

- Kiểm tra thực hiện chương trình GDMN thường xuyên (2 lần/năm/huyện).

Sau kiểm tra đã rút kinh nghiệm và đề xuất nhiều giải pháp thực hiện đạt hiệu quả cao.

B/ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG VIỆC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON TỈNH HÒA BÌNH, GIAI ĐOẠN 2006-2015" VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 60/2011/QĐ-TTg NGÀY 21/10/2011 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

I. Kết quả so với mục tiêu đề án:

Sau 10 năm triển khai thực hiện Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2006 - 2015, Giáo dục mầm non tỉnh Hòa Bình đã đạt được những kết quả tích cực, tạo sự thay đổi lớn cho bậc học GDMN trong hệ thống giáo dục tỉnh Hòa Bình, trong đó có những kết quả nổi bật như:

- Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 21/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình khóa XIV, kỳ họp thứ 19 về chế độ, chính sách đối với giáo viên mầm non diện hợp đồng được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định là một trong số văn bản quan trọng, cần thiết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đáp ứng kịp thời để ổn định và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non trong giai đoạn 2006-2015. 100% giáo viên và cán bộ quản lý GD Mầm non được hưởng chính sách theo Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ: Giáo viên các trường mầm non công lập tỉnh Hòa Bình được tuyển dụng vào biên chế và hưởng mọi chính sách, chế độ của giáo viên trong biên chế.

- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đào tạo 98,1%, chưa đạt mục tiêu đề án là 1,9% (*giáo viên chuẩn bị nghỉ hưu và đang đi đào tạo*), trong đó trên chuẩn 2.601 người, tỷ lệ đạt 49,5%. So với mục tiêu đề án, tỷ lệ giáo viên trình độ đào tạo trên chuẩn vượt 29,5%. Các huyện có tỷ lệ giáo viên chưa đạt chuẩn như sau: Lương Sơn 4,5%; Yên Thủy 3,9%; Lạc Sơn 2,2%; Thành phố, Kim Bôi 1,9%.

- 100% các trường mầm non có khu trung tâm, 28,5% trường có đủ phòng chức năng, 55,7% trường có phòng hiệu trưởng và văn phòng.

So với mục tiêu của đề án còn thiếu 31,5% trường đủ phòng chức năng và 44,2% trường có văn phòng, phòng hiệu trưởng; chưa xóa hết phòng học tạm, học nhờ, các huyện còn nhiều phòng học tạm: Yên Thủy 75 phòng, Lạc Sơn 65 phòng, Kim Bôi 51 phòng.

Chuyển đổi trường mầm non bán công thành trường mầm non công lập. Đạt mục tiêu đề án.

Thành lập thêm 34 trường mầm non và 3 cơ sở GDMN tại 37 xã trong tỉnh.. Đạt mục tiêu (3 xã không đủ số trẻ để thành lập trường Thung Khe huyện Mai Châu, Thái Thịnh thành phố và Suối Nánh huyện Đà Bắc)

- Huy động trẻ đến trường thấp so với mục tiêu đề án 14% nhà trẻ và 6% mẫu giáo. Các huyện có tỷ lệ huy động thấp:

Các huyện huy động trẻ đến trường tỷ lệ thấp: Tân Lạc 19,9% nhà trẻ, 94,3% mẫu giáo; Thành phố 26,2% nhà trẻ, 80,4% mẫu giáo; Lương Sơn 25,7% nhà trẻ, 82,5% mẫu giáo; Lạc Sơn 26,4% nhà trẻ.

Các huyện huy động trẻ đến trường đạt tỷ lệ cao: Mai Châu 52,3% nhà trẻ, 98,6% mẫu giáo; Lạc Thủy 50,9% nhà trẻ, 99,4% mẫu giáo;

- Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đến cuối năm 2015 đạt 25%, đạt mục tiêu Hội đồng nhân dân tỉnh giao đến năm 2015; so với mục tiêu đề án còn thiếu 25%;

Các huyện có tỷ lệ trường chuẩn quốc gia thấp: Lương Sơn 8,33%, Kim Bôi 10,3%, Tân Lạc 11,5%, Đà Bắc 15%;

Các huyện có tỷ lệ trường chuẩn quốc gia cao: Thành phố 65%, Kỳ Sơn 45,5%, Cao Phong 35,7%.

- 73,9% lớp học được trang bị đủ đồ dùng dạy học đồ chơi tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2011; còn thiếu 26,1% so với mục tiêu đề án.

Các huyện có tỷ lệ thấp: Tân Lạc 37%, Đà Bắc 42%;

Huyện có tỷ lệ cao nhất: Mai Châu 98,7%.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân trẻ nhà trẻ 5,3%; trẻ mẫu giáo 5,0%; thể thấp còi trẻ nhà trẻ 4,7%; trẻ mẫu giáo 4,4%. Đạt mục tiêu đề án.

Huyện có tỷ lệ trẻ được nấu ăn tại trường thấp: Yên Thủy 48% nhà trẻ 84,3% mẫu giáo; Kim Bôi 73,3% nhà trẻ, 78,6% mẫu giáo; Lương Sơn 80,5% nhà trẻ, 88,4% mẫu giáo; Lạc Sơn 88,6% nhà trẻ và 88,3% mẫu giáo.

- Trẻ phát triển theo chuẩn quy định 95% (vượt mục tiêu đề án 2%).

- Công tác tuyên truyền, cung cấp và áp dụng kiến thức kỹ năng cơ bản về chăm sóc, giáo dục trẻ cho các bậc phụ huynh vượt mục tiêu đề án 5%.

- Bố trí ngân sách GD&ĐT vượt mục tiêu 5%. Đã điều chỉnh mức học phí phù hợp với kinh tế địa phương và đảm bảo quy định của Chính phủ.

- 100% trẻ thuộc đối tượng được hưởng chính sách được hưởng theo quy định. Đảm bảo mục tiêu đề án quy định. Từ năm học 2011-2012 đến năm học 2014-2015 có 172.984.000 trẻ em được hỗ trợ ăn trưa, với tổng kinh phí là 92.022 triệu đồng; Số trẻ được miễn, giảm học phí từ năm 2011 đến năm 2015 là 46.505 trẻ em, với tổng kinh phí là 20.074,2 triệu đồng.

- Quy hoạch đất cho trường mầm non được các địa phương triển khai có hiệu quả như Cao Phong, Thành phố, Mai Châu, Kỳ Sơn, Lạc Thủy, ...

- Phối hợp các chương trình, dự án để xây dựng cơ sở vật chất theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa trường mầm non, các chương trình kiên cố hóa, chương trình mục tiêu quốc gia, dự án Childfund, dự án tầm nhìn thế giới ... đã góp phần phát triển GDMN của tỉnh.

Đảm bảo 100% trẻ em trong nhóm trẻ và lớp mẫu giáo tới trường được an toàn về thể chất và tinh thần.

II. Kết quả hiện tại so với năm 2006:

1. Quy mô trường, lớp:

- Quy mô trường, lớp phát triển từng bước đáp ứng yêu cầu gửi con của phụ huynh và phủ kín các xã, phường, thị trấn, có những xã, phường có 2 đến 4 trường mầm non. Tăng 37 xã có trường và cơ sở GDMN, đạt tỷ lệ 100% xã, phường, thị trấn có trường và cơ sở GDMN.

Trẻ em đến trường đồng đều giữa các vùng, những năm gần đây trẻ vùng khó khăn đến trường đạt tỷ lệ cao, nhiều xã tỷ lệ cao hơn vùng thuận lợi.

Năm 2006 có 188 trường mầm non, đến năm 2015 phát triển lên 228 trường; tăng thêm 40 trường sau 10 năm. Trong đó công lập tăng 205 trường, giảm 168 trường bán công.

Tăng 2.287 nhóm, lớp thuộc loại hình công lập và giảm 2.291 nhóm, lớp loại hình bán công.

2. Trẻ em đến trường:

Trẻ em đến trường tăng 19.809 trẻ; loại hình công lập tăng 56.320 trẻ, giảm 37.677 trẻ loại hình bán công.

3. Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học:

- Các huyện, thành phố đã tập trung nguồn kinh phí để đầu tư cho việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi và xây dựng các công trình phụ trợ cho các cơ sở giáo dục mầm non. Nhiều huyện đã kiên cố hóa 100% trường mầm non, số phòng kiên cố hóa tăng nhanh, giảm mạnh phòng học tạm, học nhờ, nhiều đơn vị đã đủ đồ dùng dạy học tối thiểu; số sân trường có đồ chơi ngoài trời cho trẻ hoạt động tăng nhanh.

Tổng số phòng học tăng 70 phòng, trong đó phòng học kiên cố tăng 1.027 phòng; phòng bán kiên cố giảm 136 phòng; phòng học tạm, học nhờ giảm 822 phòng.

- Số sân có đồ chơi ngoài trời tăng 406 sân, tăng 1.866 bộ thiết bị dạy học tối thiểu và tăng 45 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

- Tổng kinh phí đầu tư tăng 424.933 triệu so với năm 2006.

4. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

- Trong 10 năm xây dựng và phát triển, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đã lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Chế độ, chính sách cho giáo viên mầm non nhận được sự quan tâm đặc biệt của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự vào cuộc quyết liệt của các Sở, ngành, vì vậy đời sống giáo viên ổn định và chuyên tâm với nghề.

- Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên năm 2006 là 4.439 người, năm 2015 là 7.179 người; tăng 2.740 người. Biên chế tăng 3.810 người.

Riêng giáo viên tăng 1.624 người, biên chế giáo viên tăng 3.501 người.

- Trình độ đào tạo về chuyên môn của đội ngũ bậc học mầm non tăng nhanh, cụ thể trình độ chuyên môn đạt chuẩn trở lên năm 2006 có 3.153, năm 2015 có 6.913, tăng 3760 người; trong đó trình độ chuyên môn trên chuẩn năm 2006 có 262 người, năm 2015 có 3.469 người, tăng 3.207 người.

Riêng đội ngũ giáo viên có trình độ đạt chuẩn trở lên tăng 2.996 người, trong đó giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn tăng 2.436 người.

III. Đánh giá kết quả 10 năm thực hiện (2006-2015):

1. Quy mô trường, lớp, học sinh:

- Số trường mầm non tăng 40 trường, trong đó tăng 208 trường công lập.

- Số trẻ đến trường tăng 19.809 trẻ em, riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi tăng 3.366 trẻ em. Trong đó, tuổi nhà trẻ tăng 5.798 trẻ em, tuổi mẫu giáo tăng 14.011 trẻ em;

- Tăng 37 xã, phường, thị trấn có trường và cơ sở GDMN.

2. Số lượng, chất lượng đội ngũ:

Số lượng cán bộ, giáo viên, nhân viên tăng 2.740 người (*tăng cơ học*); trình độ chuyên môn tăng nhanh, tỷ lệ đạt chuẩn trở lên tăng 27,3%, trong đó trình độ chuyên môn trên chuẩn tăng 3.207 người.

Các đơn vị có tỷ lệ cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn trên chuẩn cao Lương Sơn, Thành phố 100%; Kỳ Sơn, Kim Bôi, Lạc Sơn, Yên Thủy trên 90%.

Các huyện có tỷ lệ cán bộ quản lý có trình độ trên chuẩn tăng nhanh trong năm học 2014-2015: Đà Bắc 33,4%, Thành phố 19,8%, Lương Sơn 18,2% và Mai Châu, Tân Lạc, Lạc Sơn trên 10%.

Các huyện còn giáo viên chưa đạt chuẩn: Lương Sơn 4,5%, Yên Thủy 3,9%, Lạc Sơn 2,2%, Thành phố và Kim Bôi 1,9%, Đà Bắc 1,5%, Tân Lạc 1,1%.

Nhân viên: 1.490 người (*hợp đồng 1.139 người*), tăng 316 người.

4. Đội ngũ nhà giáo và chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, trẻ em:

- Đội ngũ nhà giáo được HĐND, UBND quan tâm: Chuyển từ chính sách chi trả mức lương tối thiểu, sang chính sách 100% cán bộ quản lý, giáo viên được hưởng thang bảng lương quy định theo bằng cấp đào tạo, chuyển hệ số lương theo năm phục vụ và được hưởng các chế độ ưu đãi khác theo quy định.

- Tổng cán bộ, giáo viên, nhân viên tăng 2.740 người. Trong đó: Biên chế tăng 3.810 người; Trình độ chuyên môn: Đạt chuẩn trở lên tăng 3.760 người, tỷ lệ 23,1% (*trong đó trên chuẩn tăng 3.207 người, tăng 41,3%*); chưa đạt chuẩn giảm 760 người, tỷ lệ giảm 27,2%. Riêng giáo viên tăng 1.624 người, biên chế giáo viên tăng 3.501 người.

- Chế độ cho trẻ được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc: Tổng số trẻ được hỗ trợ ăn trưa từ năm học 2011 - 2012 đến năm học 2014 - 2015 gồm 172.984.000 trẻ em, tổng kinh phí là 92.022 triệu đồng;

Tổng số trẻ được miễn, giảm học phí từ năm học 2012 - 2013 đến năm học 2014 - 2015 là 46.505 trẻ; kinh phí thực hiện là 20.074,2 triệu đồng.

5. Thực hiện chương trình GDMN:

Trong 6 năm triển khai chương trình GDMN mới theo lộ trình. Toàn tỉnh đã tăng 226 trường mầm non thực hiện chương trình Giáo dục mầm non mới, đạt tỷ lệ 100%.

6. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị đồ dùng dạy học:

Trong 10 năm đã xây dựng nhiều phòng học, mua sắm nhiều đồ dùng, thiết bị dạy học để thực hiện phát triển GDMN. Kết quả:

- Phòng học Kiên cố tăng 1.027 phòng; phòng học bán kiên cố giảm 136 phòng; phòng học tạm, học nhờ giảm 822 phòng.

+ Các huyện, thành phố có tỷ lệ phòng kiên cố tăng trên 40%: Tân Lạc, Yên Thủy, Lương Sơn, Kim Bôi, Lạc Sơn và Đà Bắc;

Các huyện, thành phố có tỷ lệ phòng kiên cố tăng dưới 30%: Thành phố, Cao Phong, Lạc Thủy, Mai Châu và Kỳ Sơn.

+ Số phòng học bán kiên cố (năm 2006 gọi là cấp 4) giảm 136 phòng.

Các huyện còn phòng bán kiên cố trên 10%: Lương Sơn, Tân Lạc, Lạc Sơn, Thành phố, Kỳ Sơn và Đà Bắc;

Các phòng GD&ĐT có tỷ lệ phòng học bán kiên cố dưới 10%: Mai Châu, Yên Thủy, Kim Bôi và Lạc Thủy.

+ Phòng học nhờ, học tạm: 349 phòng, tỷ lệ 13,8% (*huyện có tỷ lệ phòng học tạm học nhờ cao nhất Yên Thủy 75 phòng, 33,2%*);

Các huyện còn tỷ lệ phòng học tạm học nhờ trên 10% gồm: Lạc Sơn, Kim Bôi, Lạc Thủy, Đà Bắc, Lương Sơn và Tân Lạc;

Các huyện còn tỷ lệ phòng học tạm học nhờ dưới 10% gồm: Mai Châu, Cao Phong, Thành phố.

- Tăng 406 sân chơi có đồ chơi ngoài trời, tỷ lệ tăng 54,5% (*năm 2006 có 190/596 sân chơi*).

Các huyện: Mai Châu, 100%; Thành phố 94%; Kỳ Sơn 92%;

Các huyện: Lạc Thủy 72,73%; Kim Bôi 66,67%; Đà Bắc 66,3%; Tân Lạc 65,15%; Lạc Sơn 60,8%; Yên Thủy 59%.

- Tăng 913 nhóm/lớp có đủ đồ dùng đồ chơi theo quy định. Huyện Mai Châu có tỷ lệ nhóm, lớp đủ đồ dùng dạy học, đồ chơi và thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định cao nhất 235 nhóm lớp, tỷ lệ 98,7%;

Các huyện có tỷ lệ trên 80% nhóm, lớp đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định gồm: Lương Sơn, Yên Thủy, Thành phố, Cao Phong, Kỳ Sơn và Lạc Thủy;

Các huyện có tỷ lệ trên 60% nhóm, lớp đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định gồm: Lạc Sơn và Kim Bôi;

Các huyện có tỷ lệ nhóm, lớp đủ đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định thấp nhất gồm: Đà Bắc 42,1% và Tân Lạc 37%.

- Tăng 162 trường được tiếp cận với công nghệ thông tin
- Tăng 166 trường có bếp hợp vệ sinh đúng quy cách.

7. Xây dựng trường chuẩn quốc gia:

So với năm 2006 tăng 45 trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia, tăng 19% (trong đó có 5 trường chuẩn Quốc gia mức độ 2). Các huyện tăng trường chuẩn quốc gia:

Thành phố Hòa Bình tăng 9 trường;

Các huyện: Mai Châu, Cao Phong và Kỳ Sơn tăng 5 trường/huyện.

Các huyện: Lạc Sơn tăng 4 trường; Kim Bôi, Lạc Thủy, Đà Bắc và Tân Lạc tăng 3 trường/huyện;

Các huyện: Yên Thủy tăng 2 trường, Lương Sơn tăng 1 trường.

- Giảm 306 điểm trường (do thực hiện việc dồn điểm trường thực hiện dạy trẻ theo độ tuổi đảm bảo yêu cầu chương trình giáo dục mầm non).

8. Ngân sách đầu tư:

Tổng kinh phí đầu tư xây dựng, mua sắm sửa chữa ... từ năm 2006 đến năm 2015 là 901.625,3 triệu đồng.

IV. Hạn chế và nguyên nhân.

1. Hạn chế.

Một số mục tiêu thấp hơn so với đề án đã phê duyệt, cụ thể:

- Giáo viên đạt trình độ chuẩn về chuyên môn là 98,1%, thấp hơn mục tiêu 1,9%.
- Trẻ đến trường thấp hơn mục tiêu đề án 4% đối với trẻ dưới 3 tuổi và 4,3% đối với trẻ 3-5 tuổi.
- Thiết bị dạy học đạt chuẩn quy định mới thấp hơn mục tiêu đề án 27% đối với trẻ từ 0-4 tuổi.
- Thiếu 31,5% trường có đủ phòng chức năng, 44,3% trường có phòng hiệu trưởng, văn phòng và 45,1% điểm trường trung tâm có đủ phòng học.
- Thiếu 25% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

2. Nguyên nhân.

- Một số giáo viên tuổi đã cao (sắp đủ tuổi nghỉ chế độ hưu trí) và một số giáo viên chưa đạt chuẩn đào tạo về chuyên môn, đã chuyển làm nhân viên nuôi dưỡng năm 2014, nhưng quyết định tuyển dụng là giáo viên.

- Trẻ trong độ tuổi còn ở ngoài nhà trường tăng nhanh, đầu tư xây dựng phòng học chưa đáp ứng với nhu cầu gửi con của các bậc cha mẹ học sinh. Đồng thời đội ngũ giáo viên được Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu từng năm, vì vậy số lượng chưa đáp ứng đủ cho việc tăng số lượng trẻ trong xã hội.

- Các văn bản của Trung ương quy định: thắt chặt chi tiêu, ngừng xây dựng các công trình công cộng, hạn chế mua sắm thiết bị công...và kinh phí của địa phương hạn hẹp; Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho trường mầm non ngày càng hoàn thiện, yêu cầu tăng thêm về số lượng và chất lượng.

V. Bài học kinh nghiệm

1. Để việc triển khai thực hiện đề án đạt kết quả cao cần đảm bảo tính đồng bộ, hệ thống từ tư tưởng chỉ đạo đến hệ thống văn bản hướng dẫn và việc tổ chức thực hiện.

2. Xác định rõ mục tiêu ưu tiên theo từng giai đoạn để đầu tư kinh phí cho việc triển khai, thực hiện đề án.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo được giao là đơn vị thường trực phải tích cực, chủ động tham mưu, đề xuất những biện pháp thiết thực, hữu ích với lãnh đạo Đảng, Chính quyền địa phương và phối hợp chặt chẽ với các Sở, ban, ngành liên quan cùng cấp để hướng dẫn, tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung Đề án, Nghị quyết, kế hoạch....đã được phê duyệt.

Những cá nhân thuộc đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ thường trực phải tâm huyết, có trách nhiệm với công việc được giao và tìm tòi biện pháp sáng tạo, hiệu quả, nắm bắt tình hình nhanh nhạy để đề xuất với cấp trên giải quyết kịp thời mong muốn hợp pháp, bổ sung, xử lý, uốn nắn kịp thời những vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo thường xuyên, trung thực những kết quả đạt được, những khó khăn, tồn tại của cơ sở trong quá trình thực hiện, để Ban chỉ đạo nắm bắt kịp thời và đưa ra những quyết sách chính xác, phù hợp nhằm lãnh đạo, chỉ đạo cấp dưới kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn đạt hiệu quả cao.

Phần thứ Ba

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON GIAI ĐOẠN 2016-2025

I. Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2015-2025:

1. Đội ngũ cán bộ giáo viên:

- Bố trí đủ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cho các trường mầm non theo quy định.

- Đảm bảo 100% giáo viên và cán bộ quản lý GD Mầm non được hưởng chính sách theo QĐ 60/2011/QĐ-TTg ngày 23/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đào tạo đảm bảo 100% và 50% trên chuẩn.

2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học:

- Quy hoạch đất cho trường mầm non đáp ứng nhu cầu CSGD trẻ.
- Đảm bảo 100% các trường mầm non có khu trung tâm, 60% trường có đủ phòng chức năng, 100% trường có phòng hiệu trưởng và văn phòng. Xóa phòng học tạm học nhờ.
- Đủ bếp để tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường.
- 100% điểm trường có công trình vệ sinh, đủ nước sạch cho trẻ và giáo viên.
- 100% giáo viên và trẻ được trang bị đồ dùng dạy học, đồ chơi theo hướng chuẩn quốc gia.
- 100% nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có đủ thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi theo quy định tối thiểu.
- 100% trường có phòng máy tính cho cán bộ quản lý, giáo viên làm việc và có phòng máy cho trẻ khám phá qua chơi.

3. Huy động trẻ đến trường:

- Tiếp tục mở rộng quy mô nhóm, lớp trong trường và các cơ sở GDMN để tăng tỷ lệ trẻ được thụ hưởng những quyền lợi trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện và góp phần tăng thời gian, năng suất lao động cho cha mẹ trẻ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- Phát triển số lượng trẻ đến trường đạt 45% tuổi nhà trẻ và 99,5% trẻ mẫu giáo vào năm 2025; Riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi đạt 99,5%. Trẻ em vùng khó khăn đến trường tuổi nhà trẻ 42%, tuổi mẫu giáo 96%.

4. Xây dựng trường chuẩn quốc gia:

Phấn đấu đạt tỷ lệ trường chuẩn quốc gia 35% năm 2025.

5. Chất lượng chăm sóc giáo dục:

- Phấn đấu giảm tỷ lệ trẻ bị SDD dưới 10% năm 2025. 95% trẻ đạt chuẩn phát triển.
- 100% cơ sở giáo dục mầm non và trẻ em thực hiện chương trình GDMN.
- 100% cha mẹ trẻ được cung cấp và áp dụng kiến thức kỹ năng cơ bản về chăm sóc, giáo dục trẻ.
- 100% trẻ thuộc đối tượng được hưởng chính sách theo quy định.

6. Công tác phổ cập:

Duy trì kết quả phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi hàng năm.

7. Bố trí ngân sách:

Tham mưu để bố trí ngân sách xây dựng thêm cơ sở vật chất để thực hiện các mục tiêu còn chưa đạt được trong giai đoạn 2006-2015; điều chỉnh mục tiêu khác cho phù hợp giai đoạn mới. Tham mưu bố trí ngân sách 10% trở lên.

8. Tuyên truyền nâng cao nhận thức:

Tiếp tục triển khai tốt việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân, cộng đồng về phát triển GDMN.

9. Công tác thanh tra, kiểm tra:

Thực hiện thường xuyên công tác thanh tra, kiểm tra và tổng kết, rút kinh nghiệm về triển khai thực hiện đề án.

10. Khen thưởng, kỷ luật:

Khen thưởng, kỷ luật kịp thời, chính xác những tập thể, cá nhân trong việc thực hiện đề án.

II. Một số đề nghị - kiến nghị:

1. Với Chính phủ:

- Tiếp tục thực hiện một số chính sách phát triển giáo dục mầm non quy định tại Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 và Đề án phát triển GDMN của Thủ tướng Chính phủ sau năm 2015.

- Tiếp tục duy trì các Chương trình, Dự án quốc gia đầu tư xây dựng cơ sở vật chất: Phòng học, phòng chức năng, phòng phục vụ học tập cho các trường mầm non.

- Bổ sung đối tượng tuổi nhà trẻ được thụ hưởng chính sách hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền ăn trưa và miễn giảm học phí.

2. Với Hội đồng nhân dân tỉnh:

Giao chỉ tiêu biên chế đối với đội ngũ nhà giáo và chỉ tiêu hợp đồng 68 đối với nhân viên thuộc bậc học Giáo dục Mầm non.

3. Với Ủy ban nhân dân tỉnh:

Tăng cường các dự án, chương trình đầu tư xây dựng cơ sở vật chất: Phòng học, phòng chức năng, phòng phục vụ học tập, ... cho các trường mầm non.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí biên chế đội ngũ giáo viên các môn đặc thù cho các trường mầm non, cụ thể mỗi trường bố trí 1 giáo viên dạy môn Âm nhạc và 1 giáo viên dạy môn Mỹ thuật.

4. Với Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Để đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm và tính mạng cho trẻ trong các cơ sở GDMN, các Bộ tham mưu với Chính phủ đưa đội ngũ nhân viên nấu ăn vào biên chế hoặc hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Bộ, Ngành liên quan để đưa vị trí việc làm đối với đội ngũ giáo viên các môn học Âm nhạc và Mỹ thuật đặc vào văn quy phạm pháp luật để các địa phương có căn cứ bố trí biên chế cho giáo viên các môn đặc thù trên.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả 10 năm triển khai thực hiện Quyết định số 3634/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 về “ Đề án phát triển giáo dục mầm non của tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2006-2015, trong việc thực hiện Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg ngày 23/6/2006 về “Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2006-2015” và 5 năm thực hiện Quyết định số 60/2011/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 về “ Một số chính sách phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2010-2015” của Thủ tướng Chính phủ./. *B.a*

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- UBND tỉnh;
- Ban chỉ đạo tỉnh;
- Giám đốc, các Phó GD;
- Ban chỉ đạo huyện, TP;
- Website ngành;
- Lưu VP, MN (TTB-13).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO
Đinh Thị Hương
Đinh Thị Hương